

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HS-ST
Ngày 06- 6- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Quốc Trường
- Ông Đặng Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung là thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức-tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

Trương P, Sinh ngày 13 tháng 8 năm 1995 tại: xã ĐT, huyện MĐ, tỉnh QN. Nơi cư trú: thôn PT, xã ĐT, huyện MĐ, tỉnh QN; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; con bà Trương Thị T, **sinh năm 1968**; vợ, con: chưa có. Tiền án: không, tiền sự: Ngày 20/01/2016 bị Công an huyện Mộ Đức xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, phạt tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng). Ngày 07/10/2016, thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Mộ Đức khởi tố, bắt tạm giam. Vụ này sau đó được đình chỉ điều tra do bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Nguyễn Lê Xuân B, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1997 tại: xã ĐT, huyện MĐ, tỉnh QN. Nơi cư trú: thôn PT, xã ĐT, huyện MĐ, tỉnh QN; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963 và bà Lê Thị C, **sinh năm 1963**; vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không,

Lê Duy T1, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1996 tại: xã ĐT, huyện MĐ, tỉnh QN. Nơi cư trú: thôn PT, xã ĐT, huyện MĐ, tỉnh QN; nghề nghiệp: sinh viên; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; con ông Lê Quang C, sinh năm 1968 và bà Trần Thị X, **sinh năm 1971**; vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không

Nguyễn Đức L1, Sinh ngày 17 tháng 4 năm 1998 tại: xã ĐH, huyện MĐ, tỉnh QN. Nơi cư trú: thôn PC, xã ĐH, huyện MĐ, tỉnh QN; nghề nghiệp: không; trình độ

văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; con ông: Nguyễn Đức T, sinh năm 1972 và bà Lê Thị N, **sinh năm 1974**; vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

Các bị cáo **bị** áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/12/2017 đến nay. Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Huỳnh Ngọc Á, Luật sư, văn phòng luật sư Quốc Á thuộc đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi bào chữa cho Trương P, Nguyễn Lê Xuân B, Lê Duy T1 và Nguyễn Đức L1 (có mặt).

Địa chỉ: số 301 đường THĐ, thành phố QN, QN.

- *Người bị hại:*

+ Lê Duy T2, sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn 2, xã ĐT, huyện MĐ, tỉnh QN

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1985, (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn PH, ĐP, MĐ, QN

+ Bà Trương Thị T, sinh năm 1968 (có mặt)

+ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963 và bà Lê Thị C, sinh năm 1963 (có mặt)

+ Ông Lê Quang C, sinh năm 1968 và bà Trần Thị X, sinh năm 1971 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Thôn PT, xã ĐT, huyện MĐ, tỉnh QN.

+ Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1972 và bà Lê Thị N, sinh năm 1974, (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn PC, xã ĐH, huyện MĐ, tỉnh QN.

+ Ông Lê Văn T, sinh năm 1971, (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn 2, xã ĐT, huyện MĐ, tỉnh QN

- *Người làm chứng:*

+ Ông Đặng Nguyễn Hoàng L2, sinh năm 1998, (có mặt)

+ Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1991, (có mặt)

+ Ông Nguyễn Vy V, sinh năm 1987, (có mặt)

+ Ông Nguyễn Hồng T4, sinh năm 2001, (vắng mặt)

+ Ông Võ T5, sinh năm 1998, (có mặt)

Cùng nơi cư trú: thôn PT, xã ĐT, huyện MĐ, tỉnh QN;

+ Ông Đặng Quang T6, sinh năm 2001, (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn PT, xã ĐH, huyện MĐ, tỉnh Q N.

+ Ông Lê Công Tiến D, sinh năm 1997, (có mặt)

Nơi cư trú: thôn 2, xã ĐC, huyện MĐ, tỉnh QN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 22 giờ ngày 02/12/2017 tại quán Lầu nướng Hải Sản thuộc thôn 1, ĐT, MĐ, QN có một số thanh niên ngồi nhậu tại quán gồm :

Ngồi một bàn ở phía ngoài quán gồm có: Nguyễn Vy V, sinh năm 1987, Đặng Nguyễn Hoàng L2, sinh năm 1998, Phạm Văn T3, sinh năm 1991 (đều có HKTT: Xã ĐT, MĐ, QN), Lê Duy T2, sinh năm 1993, trú tại: Thôn 2, ĐT, MĐ,

QN và Đặng Quang T6, sinh ngày 09/9/2001, trú tại: Thôn PT, ĐH, MĐ, QN đến quán Lầu Nướng Hải Sản thuộc Thôn 1, ĐT, MĐ, QN.

Khoảng 10 phút thì có một nhóm thanh niên khác gồm: Trương P, sinh năm 1995, Nguyễn Lê Xuân B, sinh năm 1997, Lê Duy T1, sinh năm 1996, Võ T5, sinh năm 1998, Trịnh Hồng T4, sinh năm 2001 (đều có HKTT: Xã ĐT, MĐ, QN), Nguyễn Đức L1, sinh năm 1998, HKTT: Xã ĐH, MĐ, QN, Lê Công Tiến D, sinh năm 1997, HKTT: Xã ĐC, MĐ, QN và bạn gái của D tên là K cũng đến quán Lầu Nướng Hải Sản ngồi vào một bàn ở phía bên trong và nhậu bia Tiger chai. Trong lúc nhậu thì T5, L1, T4, T1 lần lượt đến bàn nhậu của nhóm T2 để uống ly bia giao lưu và quay trở lại bàn tiếp tục ngồi nhậu với nhóm bạn. T1 là người đi giao lưu sau cùng, khi T1 đến giao lưu thì giữa T2 và L2 có chuyện trò qua lại và T2 có nói L2 là “thằng ngu”. T1 nghe T2 nói thằng ngu thì nghĩ là nói mình nên nói là “thằng ngu này uống hết ly bia xin phép về bàn”. Khi T1 quay về bàn nhậu khoảng 10 phút thì T2 qua bàn nhậu nhóm T1 mời bia giao lưu lại, T2 ngồi vào vị trí giữa T1 và T4. Khi đó T1 có hỏi chuyện T2 là sao lúc nãy T2 nói T1 ngu, T2 nói hiểu nhầm và có gọi L2 qua giải thích. Khi L2 qua thì có giải thích là T2 nói L2 chứ không phải nói T1. Lúc này T2 vẫn ngồi lại bàn nhậu của nhóm T1 và nói chuyện kiểu như người say nói chuyện dạy đời nên B1 có nói với T2 là “anh ở đâu, tự nhiên có quen biết gì đâu mà anh qua đây dạy đời bọn em”. T2 nghe vậy mới nói lại là “thì tao nói chuyện chứ dạy đời gì đâu” và B đáp lại là “vậy thôi uống đi, đừng nói nữa”. Nói xong thì B cầm ly bia lên mời hết cả bàn và khi nhóm bạn B vừa uống xong ly bia thì T2 không chịu uống mà đứng lên cầm ly bia đập mạnh xuống bàn. P thấy vậy thì nói “anh lớn anh qua bàn em mời bia mà anh làm lạ vậy”, T2 đáp lại “tao không uống nữa”. T2 vừa nói xong thì P đứng dậy cầm vỏ chai bia của P ở trên bàn (mỗi người ngồi ở bàn nhậu đều được khui một chai bia riêng) đánh từ trên xuống trúng vào vùng trán bên trái của T2 và làm chai bia bị bể vỡ nhiều mảnh. P đập vừa xong thì T1 cũng đứng dậy cầm vỏ chai bia của T1 ở trên bàn nhậu đánh từ trên xuống trúng vào đỉnh đầu của T2 và làm chai bia bị bể vỡ nhiều mảnh. Tiếp theo sau đó thì L1 cầm cái chén trên bàn nhậu ném trúng vào giữa trán của T2 và T1 cầm một cái chén khác ném về phía T2 nhưng trúng vào bả vai phía sau của B. Khi đó T2 ôm đầu chạy ra đường lộ ở phía trước quán thì L1 lấy ghế của quán, định đuổi theo đánh tiếp nhưng được chủ quán cản lại, T1 định cầm hai vỏ chai bia đuổi theo đánh tiếp nhưng được D và K cản lại, còn B khi thấy T2 đứng ở ngoài đường thì chạy đến chỉ mặt T2 nói là “con gì ông lớn, ông qua bàn tôi mời bia bọn tôi uống đàng hoàng mà ông đập ly xuống bàn”. Vừa nói xong thì B dùng tay đánh T một cái nhưng không trúng vào người T. Vừa lúc B nhìn thấy có hai thùng vỏ chai bia của quán để ở gần đó nên đến cầm lấy một vỏ chai bia Tiger và đến đánh ngang một cái trúng vào mặt của T2. Khi B đánh T2 thì chai bia bị bể vỡ nhiều mảnh và làm cho tay của B (tay trái) bị một vết thương rách da chảy máu. Sau khi đánh T2, B trở lại vào trong quán, còn T2 bỏ chạy qua bên kia đường Quốc lộ 1A. Thấy B bị thương thì nhóm bạn chở đến Bệnh viện đa khoa huyện Mộ Đức khâu vết thương và T2 cũng được L2 chở đến Bệnh viện đa khoa huyện Mộ Đức cấp cứu ngay sau đó. Trong đêm, T2 được chuyển cấp cứu và nhập viện điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi .

Lê Duy T2 sau khi bị đánh, được cấp cứu và nhập viện điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi từ ngày 03/12 /2017 đến ngày 11/12/2017 thì được

chuyên viện đến điều trị ngoại trú tại bệnh viện Đa khoa thành phố Đà Nẵng từ ngày 13 đến ngày 27/12.

Ngày 10/01/2018 Lê Duy T2 bắt đầu đi thành phố Hồ Chí Minh phẫu thuật thẩm mỹ khuôn mặt do có nhiều vết thương rách da để lại sẹo. Thời gian phẫu thuật thẩm mỹ có 5 đợt, mỗi đợt điều trị 4 ngày và mỗi đợt cách nhau 15 ngày thì đến ngày 16/4/2018 thì Lê Duy T2 kết thúc phần phẫu thuật thẩm mỹ.

Ngày 06/12/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mộ Đức đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 06 gửi đến Phòng Giám định pháp y, Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi yêu cầu giám định tỷ lệ (%) từng thương tích (thương tích chi tiết) và cơ chế hình thành dấu vết của từng thương tích của Lê Duy T2 trong vụ Cố ý gây thương tích nêu trên. Phòng Giám định pháp y, Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi đã có Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 171/2017/GĐPY ngày 06/12/2017. Kết luận thương tích của Lê Duy T2 như sau:

* Về tỷ lệ (%) từng thương tích (thương tích chi tiết):

- 13 vết thương phần mềm vùng đầu, mặt kích thước vừa và nhỏ: 13% (Mười ba phần trăm).

+ Vết thương trán phải dài # 02cm: 01%.

+ Vết thương trán trái dài # 02cm: 01%.

+ Vết thương cách đầu mày trái về phía trên 01cm dài # 03cm: 01%.

+ Vết thương cách đầu mày trái về phía trong 01cm dài # 02cm: 01%.

+ Vết thương cung mày phải dài # 01cm: 01%.

+ Vết thương thái dương phải dài # 01cm: 01%.

+ Vết thương dưới đầu cung mày trái dài # 01cm: 01%.

+ Vùng sống mũi có 02 vết thương dài # 03cm và 01cm: 02% (mỗi vết thương 01%).

+ Vùng gò má trái có 03 vết thương dài # 03cm; 02cm; 01cm: 03% (mỗi vết thương 01%).

+ Vết thương vùng đỉnh đầu: 01%.

- CT.Scanner: Vỡ thành trước và tụ dịch xoang hàm trái: 11%.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 24% (hai mươi bốn phần trăm).

* Về cơ chế hình thành dấu vết của từng thương tích:

- 13 vết thương vùng đầu, mặt phù hợp vật sắc nhọn gây thương tích.

- Tổn thương vỡ thành trước và tụ dịch xoang hàm trái phù hợp với vật tày gây thương tích.

Cáo trạng số: 06/CT-VKS, ngày 09/4/2018, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức đã truy tố các bị cáo Trương P, Nguyễn Lê Xuân B, Lê Duy T1 và Nguyễn Đức L1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ, khoản 02 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên cáo trạng đã truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, khoản 02 Điều 134; điểm b, s khoản 01 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương P từ 30 đến 36 tháng tù, áp dụng điểm đ, khoản 02 Điều 134; điểm b, s khoản 01 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Xuân B từ 24 đến 30 tháng tù, áp dụng điểm đ, khoản 02 Điều 134; điểm b, s, khoản 01, khoản 02 Điều 51, khoản 1, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Duy T1 từ 12 đến 18 tháng tù và áp dụng điểm đ,

khoản 02 Điều 134; điểm b, s khoản 01, khoản 02 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L1 từ 12 đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về thu giữ vật chứng : Cơ quan CSĐT Công an huyện Mộ Đức đã tiến hành công tác kiểm tra hiện trường và truy tìm vật chứng vụ án (vỏ chai bia Tiger và chén sứ) nhưng kết quả không thu được vật chứng nào do chủ quán Lẩu Nướng Hải Sản đã dọn dẹp và xe gom rác thải đã vận chuyển vứt bỏ ở bãi rác.

Về phân dân sự:

+ Về phía bị hại Lê Duy T2 : Sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo và gia đình các bị cáo Trương P, Nguyễn Lê Xuân B, Lê Duy T1, Nguyễn Đức L1 đã tự nguyện khắc phục hậu quả đối với Lê Duy T2 với tổng số tiền 45.000.000đ; trong đó bị cáo Trương P đã bồi thường 20.000.000đ, bị cáo Nguyễn Lê Xuân B đã bồi thường 10.000.000đ, bị cáo Lê Duy T1 đã bồi thường 5.000.000đ và bị cáo Nguyễn Đức L1 đã bồi thường 10.000.000đ.

Vào ngày 12/5/2018, bị hại Lê Duy T2 làm bảng kê thiệt hại yêu cầu được bồi thường với tổng số tiền 376.434.537đ . Các bị cáo và gia đình các bị cáo không đồng ý mức yêu cầu bồi thường trên nên chưa có sự thỏa thuận thống nhất để giải quyết.

Tại phiên tòa phía bị hại thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu các bị cáo bồi thường cho bị hại với tổng chi phí là 250.000.000 đồng nhưng các bị cáo vẫn không chấp nhận mức bồi thường này, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu dân sự của bị hại với tổng số tiền 72.942.562 đồng.

+ Về phía chủ quán Lẩu Nướng Hải Sản : Qua làm việc với ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1985, trú tại: Thôn PH, ĐP, MĐ, QN là chủ quán Lẩu Nướng Hải Sản nêu trên để làm rõ thiệt hại của quán do hành vi phạm tội của các bị can gây ra. Qua đó xác định thiệt hại của quán Lẩu Nướng Hải Sản là không đáng kể (quán chỉ bị bể mấy vỏ chai bia và vài ba cái ly, chén) và ông Nguyễn Hoàng T không có yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Trương P, Nguyễn Lê Xuân B, Lê Duy T1, Nguyễn Đức L1 trình bày: Về tội danh và khung hình phạt thì không có ý kiến gì. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 45.000.000đ ; bị cáo T1 và bị cáo L1 đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, bị cáo T1 có thành tích xuất sắc trong quân đội. Do đó, Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Về phân dân sự luật sư bào chữa cho các bị cáo thống nhất với phần đề nghị của Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộ Đức và Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức đã thực hiện là đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trương P, Nguyễn Lê Xuân B, Lê Duy T1 và Nguyễn Đức L1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu ở trên; Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở, chứng cứ xác định: Khoảng 22 giờ ngày 02/12/2017 tại quán Lẩu nướng Hải Sản thuộc thôn 1, ĐT, MĐ, QN các bị cáo Trương P, Nguyễn Lê Xuân B, Lê Duy T1, Nguyễn Đức L1 đã dùng vỏ chai bia, chén sứ đánh, ném gây thương tích cho Lê Duy T2. Theo quy định tại tiểu mục 3.1 mục 3 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thì việc các bị cáo đã dùng vỏ chai bia, chén sứ đánh T2 thuộc trường hợp “dùng hung khí nguy hiểm” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS 2015. Bên cạnh đó, theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích của Lê Duy T2 do Trương P, Nguyễn Lê Xuân B, Lê Duy T1, Nguyễn Đức L1 gây ra có tỷ lệ là 24%. Vì vậy hành vi của Trương P, Nguyễn Lê Xuân B, Lê Duy T1, Nguyễn Đức L1 đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS 2015 thì khung hình phạt tù có thời hạn từ 02 năm đến 06 năm.

Đôi chiếu với BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) thì hành vi phạm tội của Trương P, Nguyễn Lê Xuân B, Lê Duy T1, Nguyễn Đức L1 quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS thì khung hình phạt tù có thời hạn từ 02 năm đến 07 năm.

Hành vi phạm tội của Trương P, Nguyễn Lê Xuân B, Lê Duy T1, Nguyễn Đức L1 xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018. Mặt khác, căn cứ theo Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 thì áp dụng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Trương P, Nguyễn Lê Xuân B, Lê Duy T1, Nguyễn Đức L1.

- Đây là vụ án có đồng phạm được quy định tại Điều 17 BLHS 2015 nhưng chỉ mang tính chất giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công gì trước khi thực hiện hành vi phạm tội, tất cả đều là người thực hành. Trong đó, bị cáo Trương P là người gợi xướng trực tiếp đánh bị hại đầu tiên, thấy vậy sau đó các bị cáo khác đều dùng hung khí đánh bị hại gây thương tích. Bị cáo B mặc dù thấy bị hại bị đánh ôm đầu chạy ra trước quán nhưng vẫn đuổi theo dùng hung khí (vỏ chai bia) đánh bị hại vào mặt gây thương tích nặng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là do bộc phát, bức xúc tức thời trước thái độ cư xử của bị hại (mời bia mà bị hại không uống và để mạnh ly bia xuống bàn) chứ hoàn toàn không vì tư thù cá nhân hay mâu thuẫn gì từ trước.

Các bị cáo Trương P, Nguyễn Lê Xuân B, Lê Duy T1 và Nguyễn Đức L1 là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo biết rõ việc cố ý gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi cố ý gây thương tích của các bị cáo không những xâm phạm đến sức khỏe

của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, cần phải xét xử các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện khắc phục một phần hậu quả. Đối với Lê Duy T1 đã có thành tích xuất sắc trong quân đội được tặng danh hiệu chiến sĩ tiên tiến nên cần áp dụng v, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đồng thời bị cáo Lê Duy T1 và bị cáo Nguyễn Đức L1 đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự là tình tiết cần được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo.

+ Đối với bị cáo Trương P1, Nguyễn Lê Xuân B1 áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Đối với bị cáo Lê Duy T1 áp dụng điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Đức L1 áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Đối với Trịnh Hồng T4 SN 2001, Võ T5 SN 1998, Lê Công Tiến D SN 1997 và bạn gái D (chỉ xác định được tên là K) là những người ngồi cùng ăn, uống bia chung với các bị cáo nhưng không tham gia vào việc đánh gây thương tích cho Lê Duy T2 nên không xử lý trách nhiệm hình sự đối với những người này là đúng quy định pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

+ Về phía chủ quán Lẩu Nướng Hải Sản : Qua làm việc với ông Nguyễn Hoàng T, là chủ quán Lẩu Nướng Hải Sản đã xác định thiệt hại của Quán Lẩu Nướng hải Sản là không đáng kể nên ông Nguyễn Hoàng T không có yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại gì. Hội đồng xét xử không xét.

+ Về phía bị hại Lê Duy T2: Quá trình điều tra bị hại Lê Duy T2 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại với tổng số tiền là 376.434.537 đồng; tại phiên tòa bị hại thay đổi yêu cầu, yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 250.000.000 đồng chưa trừ số tiền đã bồi thường trước. Tuy vậy, bị hại không xác định được thay đổi với khoản chi phí nào như đã kê khai trước đây vào ngày 12/5/2018. Các bị cáo cho rằng yêu cầu bồi thường của bị hại là quá cao nên không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: trong tổng số 376.434.537 đồng tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại theo bảng kê thiệt hại ngày 12/5/2018 thì có:

* Chi phí điều trị tại bệnh viện tỉnh Quảng Ngãi từ ngày 3/12 đến 12/12/2017 gồm:

- Tiền viện phí, dịch vụ và tiền thuốc 4.272.957 đồng
- Tiền mua dung dịch nước rửa vết thương, đồ dùng cá nhân: 700.000 đồng
- Tiền ăn ở bệnh viện: 1.100.000 đồng;
- Tiền xe đi khám chữa bệnh: 600.000 đồng;
- Tiền xe của ba bị hại từ Đăk Nông về Quảng Ngãi: 400.000 đ
- Tiền bồi dưỡng: 325.000 đồng

* Chi phí điều trị tại bệnh viện Đa khoa thành phố Đà Nẵng từ ngày 13/12 đến 27/12/2017 gồm:

- Tiền viện phí, dịch vụ khám bệnh: 989.000 đồng
- Tiền thuốc: 2.117.580 đồng
- Tiền mua dung dịch nước rửa, vệ sinh vết thương: 200.000đ
- Tiền ăn ở bệnh viện: 2.250.000 đồng;
- Tiền xe đi khám chữa bệnh: 2.600.000 đồng;

* Chi phí phẫu thuật thẩm mỹ tại thành phố Hồ Chí Minh từ ngày tháng 1/2018 đến 16/4/2018 gồm:

- Tiền xe cho việc tư vấn thẩm mỹ: 300.000đ
- Tiền phẫu thuật thẩm mỹ và tiền thuốc: 50.000.000đ
- Tiền ăn: 5.000.000 đồng
- Tiền tàu xe: 7.500.000 đồng
- Tiền thuê phòng trọ: 4.000.000 đồng (1 ngày 200.000đ x 20 ngày)
- Tiền bồi dưỡng từ ngày 13/12/2017 đến 6/5/2018: 5.350.000 đồng;
- Tiền thu nhập bị mất của bị hại: 120.000.000đ (20.000.000 đồng/tháng x 6 tháng);

- Chi phí bị tổn thất của người nuôi 45.000.000 đồng;
- Tiền tổn thất tinh thần: 67.500.000 đồng (bằng 50 tháng lương cơ bản);
- Tiền thẩm mỹ đợt II: 50.000.000đ (bao gồm đi lại và ăn ở);
- Tiền bồi dưỡng sau thẩm mỹ đợt II: 5.000.000đ.

Việc xác định giá trị thiệt hại và yêu cầu bồi thường như đã nêu trên của bị hại là có nhiều khoản không hợp lý và không phù hợp theo quy định của pháp luật nên cần phải được xem xét lại như sau:

- Đối với 4.272.957 đồng + 900.000 đồng + 989.000 đồng = **6.161.957** đồng là tiền viện phí và mua đồ dùng y tế hỗ trợ cho việc điều trị. Đây là các khoản thiệt hại thực tế do bị hại đã chi và có hóa đơn, chứng từ hợp lệ và là những chi phí hợp lý nên được chấp nhận.

- Đối với **2.117.580** đồng tiền thuốc uống ngoại trú. Đây là khoản tiền thuốc do có đơn thuốc của bác sĩ và có hóa đơn, chứng từ hợp lệ nên được chấp nhận.

- Đối với 3.325.000 đồng tiền ăn trong thời gian điều trị ở bệnh viện. Đây là khoản chi phí không phù hợp theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nên không được chấp nhận.

- Đối với 600.000 đồng + 400.000đ + 2.600.000 đồng + 7.500.000 đồng là tiền xe đi khám chữa bệnh từ ngày 3/12/2017 đến ngày 16/4/2018 và tiền xe ba bị hại từ Đăk Nông về. Bị hại Lê Duy T2 chỉ cung cấp được 01 chứng từ thanh toán taxi đi lại vào ngày 13/12/2017 là 2.000.000đ (từ Quảng Ngãi đi Đà Nẵng) còn lại những lượt đi khác đều không có chứng từ thanh toán nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần chi phí tiền đi lại trong thời gian điều trị của bị hại như sau: tiền taxi đi và về từ Mộ Đức ra Quảng Ngãi là 600.000đ, điều trị tại Đà Nẵng thì tiền tàu xe cho mỗi lần đi và về theo giá xe khách thông thường (gồm cả người chăm bị hại) là 200.000đ x 4 = 800.000đ, chi phí đi lại từ Quảng Ngãi đến thành phố Hồ Chí Minh cho lần đi đầu tiên và lần về cuối cùng theo giá xe khách thông thường là 300.000đ/ người x 2 lần đi x 2 người = 1.200.000đ. Tổng cộng tiền tàu xe của bị hại được chấp nhận là **2.600.000đ**.

- Đối với **50.000.000đ** là tiền phẫu thuật thẩm mỹ tại bệnh viện thẩm mỹ ND, thành phố Hồ Chí Minh có hóa đơn hợp lệ nên được chấp nhận.

- Đối với **4.000.000đồng** là tiền thuê trọ trong thời gian phẫu thuật thẩm mỹ (200.000đ/ngày x 20 ngày). Đây là chi phí phù hợp theo hướng dẫn tại điểm a, mục 1.3 phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nên được chấp nhận.

- Đối với 120.000.000đồng (= 20.000.000đồng/tháng x 6 tháng) tiền thu nhập bị mất của bị hại. Bị hại đã cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh mức thu nhập 20.000.000đ/ tháng (= 667.000đ/ ngày) để làm căn cứ giải quyết yêu cầu dân sự, đồng thời Công ty nơi bị hại làm việc cũng đã cung cấp một số tài liệu chứng cứ chứng minh về mức thu nhập của bị hại. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ chứng minh thì thấy: Bị hại ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH xây dựng TP Đắk Lắk từ ngày 02/01/2017 đến ngày 01/01/2019 (theo hợp đồng lao động số 05/HĐLD ngày 02/01/2017) nhưng công ty đã có quyết định chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 25/11/2017 là trước ngày bị hại bị đánh gây thương tích ngày 02/12/2017. Bên cạnh đó các tài liệu, chứng cứ có nhiều mâu thuẫn, đơn xin nghỉ phép của bị hại từ ngày 20/11/2017 đến ngày 02/12/2017 nhưng giám đốc công ty duyệt phép trước 1 tháng là ngày 20/10/2017. Đồng thời việc chấm dứt hợp đồng lao động của công ty với bị hại với lý do bị hại tự ý thôi việc sau khi đã hết hạn nghỉ phép kể từ ngày 25/11/2017 là không phù hợp với thời hạn nghỉ phép. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị hại về thu nhập bị mất theo hợp đồng lao động. Thu nhập thực tế bị mất của bị hại sẽ được tính như sau: Thời gian điều trị thực tế của bị hại từ ngày 3/12/2017 đến ngày 27/12/2017 là 25 ngày, thời gian phẫu thuật thẩm mỹ trong 5 đợt, mỗi đợt là 6 ngày = 30 ngày. Do đó, tiền thu nhập thực tế bị mất của bị hại được chấp nhận sẽ là 200.000đ/ ngày x 55 ngày = **11.000.000đ**.

- Đối với 45.000.000đồng tiền thu nhập bị mất của người chăm sóc. Hội đồng xét xử xét thấy chỉ có thể chấp nhận một phần tương ứng với thời gian điều trị của bị hại là 55 ngày (tính từ ngày 3/12/2017 đến ngày 27/12/2017 + thời gian phẫu thuật thẩm mỹ tại thành phố Hồ Chí Minh là 30 ngày). Cụ thể: 200.000đồng/ngày x 55ngày = **11.000.000đồng**.

- Đối với 325.000đồng + 5.350.000đồng = 5.675.000đ là bồi dưỡng sức khỏe của bị hại từ ngày 3/12/2017 đến ngày 6/5/2018. Phần chi phí này bị hại có giao nộp các hóa đơn bán lẻ mua trái cây và sữa nhưng trong số các chứng từ mà bị hại đã cung cấp thì chỉ chấp nhận các hóa đơn có ngày xuất hóa đơn là ngày 13/12/2017 với số tiền 180.000đ, hóa đơn ghi ngày 18/12/2017 là 180.000đ, hóa đơn có ngày 22/12/2017 với số tiền 180.000đ; số hóa đơn bán lẻ còn lại thì có 01 hóa đơn có số tiền là 810.000đ nhưng không ghi ngày xuất hóa đơn, 01 hóa đơn có số tiền 145.000đ, ngày xuất hóa đơn là ngày 6/11/2017 là trước ngày bị hại bị đánh, những hóa đơn bán lẻ khác có ngày xuất hóa đơn là từ tháng 01/2018 đến tháng 5/2018 là không phù hợp với thời gian điều trị của bị hại nên không được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ có thể chấp nhận một phần tiền bồi dưỡng sức khỏe trong thời gian bị hại điều trị từ 3/12/2017 đến ngày 27/12/2017 với số tiền là 180.000đ x 3 = **540.000đồng**.

- Đối với 67.500.000đồng tiền tổn thất tinh thần tương đương với 50 tháng lương cơ bản là vượt quá mức quy định. Căn cứ vào tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra và hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì chỉ có thể chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường về tổn thất tinh thần của bị hại với mức cụ thể là **26.000.000đồng** (tương đương với 20 tháng lương cơ bản 1.300.000đ/tháng).

- Đối với 50.000.000đ và 5000.000đ là tiền phẫu thuật thẩm mỹ lần II và tiền bồi dưỡng sau phẫu thuật thẩm mỹ lần hai. Đây là số tiền bị hại yêu cầu nhưng không có căn cứ nên không chấp nhận.

Tổng số tiền mà các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại như đã tính ở trên là: 113.419.537đồng (*Một trăm mười ba triệu bốn trăm mười chín nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng*), mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 28.354.884 đồng nhưng được khấu trừ số tiền mà các bị cáo đã bồi thường trước đó cho bị hại là 45.000.000đ; cụ thể: $113.419.537 - 45.000.000đ = 68.419.537đ$ (*sáu mươi tám triệu bốn trăm mười chín nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng*). Như vậy, các bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại số tiền 68.419.537đồng (*sáu mươi tám triệu bốn trăm mười chín nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng*); trong đó gia đình bị cáo P đã bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000đ nên còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền **8.354.884đồng**, gia đình bị cáo B đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000đ nên còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền **18.354.884** đồng, gia đình bị cáo T1 đã bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000đ nên còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền **23.354.884** đồng và gia đình bị cáo L1 đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000đ nên còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền **18.354.884** đồng.

[6] Về quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo thấy rằng về phần hình phạt cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Các bị cáo Trương P, Nguyễn Lê Xuân B, Lê Duy T1 và Nguyễn Đức L1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo P phải chịu 417.744đồng (= 5% x 8.354.884 đồng) án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo B phải chịu 917.744đồng (= 5% x 18.354.884 đồng) án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo T1 phải chịu 1.167.744đồng (= 5% x 23.354.884 đồng) án phí dân sự sơ thẩm và bị cáo L1 phải chịu 917.744đồng (= 5% x 18.354.884 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về căn cứ truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa là phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trương P, Nguyễn Lê Xuân B, Lê Duy T và Nguyễn Đức L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào điểm đ, khoản 02 Điều 134; điểm b, s khoản 01, Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị

cáo Trương P 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án;

Căn cứ vào điểm đ, khoản 02 Điều 134; điểm b, s khoản 01, Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Xuân B 2 (hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án;

Căn cứ vào điểm đ, khoản 02 Điều 134; điểm b, s, v khoản 01, khoản 02 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Duy T1 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm đ, khoản 02 Điều 134; điểm b, s khoản 01, khoản 02 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L1 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc các bị cáo Trương P, Nguyễn Lê Xuân B, Lê Duy T1 và Nguyễn Đức L1 còn phải bồi thường cho bị hại Lê Duy T2 số tiền 68.419.537 đồng (*sáu mươi tám triệu bốn trăm mười chín nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng*); trong đó gia đình bị cáo P đã bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000đ nên còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền **8.354.884 đồng**, gia đình bị cáo B đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000đ nên còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền **18.354.884 đồng**, gia đình bị cáo T1 đã bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000đ nên còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền **23.354.884 đồng** và gia đình bị cáo L1 đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000đ nên còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền **18.354.884 đồng**.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi suất theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành án, cho đến khi thi hành xong bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo Trương P, Nguyễn Lê Xuân B, Lê Duy T1 và Nguyễn Đức L1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo P phải chịu 417.744đ (= 5% x 8.354.884 đồng) án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo B phải chịu 917.744đ (= 5% x 18.354.884 đồng) án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo T1 phải chịu 1.167.744đ (= 5% x 23.354.884 đồng) án phí dân sự sơ thẩm và

bị cáo L1 phải chịu 917.744đồng (= 5% x 18.354.884 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn nơi người vắng mặt cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Công an huyện Mộ Đức;
- Cơ quan THAHS CA huyện Mộ Đức;
- Chi cục THA DS huyện Mộ Đức;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Duy Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Trường Đặng Văn Minh

Bùi Duy Nam

- Áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng hình sự: Tách một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về thu nhập bị mất của bị hại để giải quyết bằng một vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- THA DS huyện Mộ Đức;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa